

Bản án số: 96/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10/5/2023
“V/v chị N xin ly hôn anh T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYÊN, TP HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Hiếu và ông Hoàng Văn Long

Ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thu Uyên -Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Đức Thịnh - Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990; Đăng ký HKTT và cư trú: Tiểu khu M, thị trấn P, huyện P, TP Hà Nội.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; Đăng ký HKTT và cư trú: Thôn N, xã N, huyện P, TP Hà Nội.

Chị N có mặt; anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 13/02/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nhung trình bày:

Về tình cảm: Chị N kết hôn với anh Nguyễn Văn T từ năm 2009 là hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng tháng 02/2010 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh T ham chơi, không chăm lo cho gia đình, nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Do đó, chị đã dọn về nhà ngoại ở từ cuối năm 2010, đầu năm 2011 đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, hạnh phúc không có, chị đề nghị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Thị Tuyết V, sinh ngày 04/8/2010 hiện nay đang ở cùng chị. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung của vợ chồng: Chị N không yêu cầu Tòa xét.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Văn T: Không đến Tòa làm việc, không có quan điểm về vụ kiện.

Đại diện VKSND tham gia phiên toà xác định:

- *Về tố tụng:* Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định về thu thập chứng cứ, chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Các đương sự đã được tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N; con chung của anh T, chị N là Nguyễn Thị Tuyết V, sinh ngày 04/8/2010 giao cho chị N trực tiếp chăm sóc giáo dục, tạm miễn cấp dưỡng nuôi con chung anh T. Về tài sản chung và công nợ chung vợ chồng: Không xét. Chị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở lời trình bày của các bên đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Đây là vụ án về “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, do nơi cư trú của bị đơn thuộc xã Nam T, huyện P, Hà Nội nên việc Tòa án nhân dân huyện P thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:*

Chị Nguyễn Thị N kết hôn với anh Nguyễn Văn T là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào ngày 03 tháng 8 năm 2009. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do không hợp tính, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Đến cuối năm 2010, chị N đã bỏ về nhà mẹ đẻ tá túc và ly thân anh T từ đó

đến đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đều vắng mặt không có lý do, không tham gia các phiên hòa giải do Tòa án tiến hành, chứng tỏ anh T không có thiện chí mong muốn được hòa giải đoàn tụ. Phía gia đình anh T cũng cho biết, giữa anh T, chị N không còn tình cảm, không còn liên quan gì đến nhau trên thực tế. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã đến mức trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian ly thân đã hơn 12 năm, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N theo quy định tại điều 39 BLDS và các điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung*: Xét yêu cầu của chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị Tuyết V, sinh ngày 04/8/2010. Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu V đã ở với chị N suốt hơn 12 năm qua, bản thân cháu V và phía anh T, thông qua gia đình cho biết cũng có nguyện vọng để chị N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu, do đó, HĐXX quyết định giao con chung cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với mong muốn của các bên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên, tạm miễn cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T đến khi con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4]. *Về tài sản chung, công nợ chung vợ chồng*: Chị N không yêu cầu, trong khi anh Tiến không có quan điểm, nên Tòa không xét trong vụ án này. Trường hợp sau này, nếu các bên có tranh chấp và có yêu cầu, thì Tòa án sẽ giành quyền khởi kiện trong 01 vụ kiện độc lập khác, để không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án cũng như quyền lợi của các bên trong việc kiện.

[5]. *Về án phí và quyền kháng cáo*: Chị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Chị N, anh Ti có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 39 BLDS, Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

- *Về hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- *Về con chung*: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Tuyết V, sinh ngày 04/8/2010 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Văn T đến khi có yêu cầu hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được phép ngăn cản.

- *Về tài sản, công nợ chung vợ chồng*: Tòa không xét.

- *Về án phí và quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2020/0048109 ngày 09/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P. Chị N đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THA huyện P;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Quang